

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày 23/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Vũ;
2. Ông Lưu Huỳnh Quang Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Thành C(P), sinh ngày 16/4/1986 tại xã T, huyện H, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: tổ 9, ấp Vĩnh Q, xã T, huyện H, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị H, có vợ và 02 con sinh năm 2005 và 2010; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ chấp hành án vào ngày 08/01/2019 theo Bản án số 37/2018/HS-ST ngày 29/11/2018 và Quyết định thi hành án phạt tù số 01/2019/QĐ-CA ngày 02/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Lê Thị Ngọc Đ, sinh năm 1981, nơi cư trú: tổ M, ấp V, xã T, huyện H, tỉnh An Giang, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Trần Tấn P (Nhí), sinh năm 1990, nơi cư trú: tổ M, khóm T, phường Q, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1959, nơi cư trú: tổ M, ấp V, xã T, huyện H, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Bà Lữ Thị Bích T, sinh năm 1989, nơi cư trú: ấp V, xã T, huyện H, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Trần Thanh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 30/5/2017, Trần Thành C thuê xe ôm đi từ nhà đến phường V, thành phố Châu Đốc để sang gò Tà Mâu, Vương quốc Campuchia đánh bạc. Trên đường đi, C mang theo 15.000.000 đồng nhưng nghĩ không đủ tiền nên đã tìm Lê Thị Ngọc Đ đang làm việc tại khu vực tổ H, khóm M, phường K, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, tại đây C nói dối Đ là xe C đang bảo trì nên mượn xe mô tô của Đ biển số 67B1-296.38 để đi mua đồ dùng. Sau khi mượn được xe, C mang đến tiệm cầm đồ Tám Hùng, cầm cho anh Trần Tấn P với số tiền 13.000.000 đồng, mang đi đánh bạc thua hết. Chị Đ không thấy C trả xe nên đã đến cơ quan Công an để tố giác C.

Kết luận định giá tài sản số 105/KL-ĐGTS, ngày 13/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, thành phố Châu Đốc xác định: 01 (một) xe mô tô hiệu Future, biển số 67B1-296.38, trị giá 15.000.000 đồng.

Ngày 26/7/2017, Trần Thành C bị khởi tố điều tra, trong quá trình điều tra C không có ở địa phương nên ngày 27/9/2017, Cơ quan điều tra Công an thành phố Châu Đốc ban hành Quyết định truy nã C và đến ngày 11/10/2018 C đầu thú.

Tại Cáo trạng số 96/CT-VKS-CD ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo Trần Thành C về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, lợi dụng lòng tin của người khác để chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật nhưng vì ham mê cờ bạc, lợi dụng sự quen biết, chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác và gây mất trật tự tại địa phương. Cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả; đầu thú, bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông nội tên Trịnh Thành Khâm (tên gọi khác là Trần Văn L) là người có công với cách mạng và nhận được nhiều bằng khen. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình.

Ngày 29/11/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và đang chấp hành của bản án này. Vì vậy, tổng hợp hình phạt đối với lần phạm tội này và bản án số 37/HSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt bản án số 37/2018/HSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú đã xử phạt bị cáo C 06 (sáu) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Riêng, bị cáo khai có hành vi xuất nhập cảnh trái phép sang Vương quốc Campuchia để đánh bạc nhưng ngoài lời khai của bị cáo, không có căn cứ để quy kết trách nhiệm.

Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Tấn P, khi tiêu thụ tài sản ông Phát không biết tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Phát nhưng cần giáo dục công khai tại địa phương.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) xe mô tô biển số 67B1-296.38 đã giao trả lại cho bị hại nên không đề cập xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án các ông (bà) Trần Tấn P (Nhí), Lê Văn H, Lữ Thị Bích T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Châu Đốc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung vụ án,

[3] Về hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại phiên tòa với các nguồn chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm do Công an phường Vĩnh Mỹ lập hồi 14 giờ 00 ngày 30/5/2017, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 11/10/2018 (BL 41), Kết luận định giá số 105/KL-ĐG ngày 13/6/2017 (BL 14) là phù hợp nhau về thời gian, diễn biến sự việc, hành vi mà bị cáo đã thực hiện và khai nhận tại phiên tòa cùng lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định:

Ngày 30/5/2017, bị cáo mang 15.000.000 đồng đến gò Tà Mâu, Vương quốc Campuchia để đánh bạc nhưng nghĩ số tiền trên không đủ nên tìm cách kiếm thêm tiền và khi đi đến khu vực tổ H, khóm M, phường K, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang thì bị cáo nhớ có quen với Đ đang làm nhân viên cho Công ty Lộc Trời nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của Đ để mang đi cầm, lợi dụng sự quen biết, bị cáo đã nói dối Đ là xe bị cáo đang bảo trì nên mượn xe mô tô của Đ biển số 67B1-296.38 để đi mua đồ và được Đ đồng ý. Sau đó, bị cáo mang xe đi cầm cho ông Phát được 13.000.000 đồng và đánh bạc thua hết. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn mặt khách quan của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác nên đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc đối với hành vi mà bị cáo đã thực hiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của Viện Kiểm sát về việc áp dụng quy định khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thành C.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân,

Tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo là người trưởng thành, đang trong độ tuổi lao động nhưng lại ham mê cờ bạc nên đã bất chấp pháp luật, lợi dụng sự tin tưởng của người khác để chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, gây hoang mang trong nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài

sản. Từ đó thể hiện ý thức bị cáo xem thường pháp luật nên cần thiết phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội cùng những thông tin khác liên quan đến vụ án. Điều này cho thấy bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả; đầu thú và người bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông nội tên Trịnh Thành Khâm (tên gọi khác là Trần Văn L) là người có công với cách mạng và nhận được nhiều bằng khen. Do đó, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về hình phạt:

- Hình phạt Cnh: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và 02 tình giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên có xem xét áp dụng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo trong khi lượng hình như quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

Bị cáo do đã bị Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 37/2018/HS-ST ngày 28/11/2018 nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với tội danh đang xét xử sau đó tổng hợp hình phạt chung đối với 02 bản án theo quy định của pháp luật.

- Hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm của ông Trần Tấn P: Khi tiêu thụ tài sản ông Phát không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Phát.

[8] Về trách nhiệm dân sự, bà Lê Thị Ngọc Đ đã nhận lại tài sản, ông Trần Tấn P đã nhận số tiền bồi thường và không yêu cầu khác nên xét không đề cập giải quyết.

[9] Đối với hành vi của bị cáo C xuất nhập cảnh trái phép qua biên giới Campuchia để đánh bạc, ngoài lời khai của bị cáo thì không có căn cứ nào khác nên cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp pháp luật.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Thành C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Thành C(P) phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Xử phạt: Trần Thành C 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt theo bản án hình sự sơ thẩm số 37/2018/HS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú; buộc bị cáo Trần Thành C chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án ngày 08/01/2019 (ngày tám tháng một năm hai nghìn không trăm mười Cn) theo bản án hình sự sơ thẩm số 37/2018/HS-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Thành C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của những người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Tiên